

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI

## I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI

Hầu hết nhà nước nào trên thế giới cũng có vai trò quản lý kinh tế nhất định đối với xã hội đó. Tùy thuộc vào bản chất của nhà nước và trình độ phát triển kinh tế của từng chế độ xã hội mà vai trò quản lý kinh tế của nhà nước có những biểu hiện thích hợp, và mô hình kinh tế hỗn hợp là mô hình đang được áp dụng phổ biến ở đại đa số các quốc gia hiện nay. Ở đó, cả nhà nước và thị trường cùng điều tiết các hoạt động của nền kinh tế. Trong khi kinh tế thị trường thể hiện tính ưu việt trong việc tự chủ phân bổ các nguồn lực, mang lại quyền tự do, dân chủ trong kinh doanh và lợi ích của người tiêu dùng được bảo vệ... thì Nhà nước lại có vai trò tạo ra một hành lang pháp lý nhằm hỗ trợ, dẫn dắt nền kinh tế và xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, mức độ phối kết hợp giữa thị trường và Nhà nước ở mỗi quốc gia trong mỗi thời kỳ là khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào cơ chế tự điều chỉnh của bàn tay vô hình thị trường với cơ chế quản lý Nhà nước của từng quốc gia nhằm khai thác triệt để những lợi thế, giảm thiểu rủi ro và tối đa hoá lợi ích kinh tế cho quốc gia mình.

### 1. Nền kinh tế thị trường và nền kinh tế thị trường hiện đại

#### a. Nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó người mua và người bán tác động lẫn nhau tạo nên quy luật cung cầu (tức là có nhu cầu về sản phẩm lập tức trên thị trường sẽ có mức cung về sản phẩm đó), từ đó có thể xác định được giá trị và số lượng hàng hóa và các loại dịch vụ để cung ứng ra thị trường.

Nền kinh tế thị trường đã có quá trình hình thành và phát triển từ rất lâu, ngày nay nó đã lan dần sang các nước đang phát triển ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của thế giới nói chung, và của từng quốc gia nói riêng.

Kinh tế thị trường luôn tạo ra những cơ hội cho mọi người sáng tạo, luôn tìm cách cải thiện lối làm việc và rút ra những bài học kinh nghiệm về sự thành công hay thất bại. Kinh tế thị trường cũng tạo ra những cơ chế đào tạo, tuyển chọn sử dụng nhà quản lý kinh doanh giỏi, năng động, làm việc có hiệu quả, đào thải những người làm việc kém hiệu quả.

Kinh tế thị trường mang lại quyền tự do, dân chủ trong kinh doanh, bảo vệ lợi ích cho người tiêu dùng, đồng nghĩa với việc các cá nhân có quyền được quyết định tự do

kinh tế của mình, tự lựa chọn công việc phù hợp để có thể phát huy tối đa khả năng của bản thân, còn các doanh nghiệp có quyền tự do lựa chọn các loại hình kinh doanh, quy mô và công nghệ sản xuất, tự do lựa chọn các yếu tố đầu vào để phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Có nền kinh tế thị trường đồng nghĩa với việc xuất hiện sự cạnh tranh, bởi cạnh tranh là một cơ chế vận hành chủ yếu của nền kinh tế thị trường, nhờ có cạnh tranh sẽ tạo ra nhiều động lực hơn cho sự phát triển kinh tế của các doanh nghiệp nói chung và của từng quốc gia nói riêng. Từ khi đổi mới nền kinh tế nước ta đã áp dụng quy luật này và mang lại những thành tựu đáng kể: như đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội phát triển, nền kinh tế trở nên ổn định hơn... Nhưng để có một môi trường cạnh tranh lành mạnh thì đó là một vấn đề quan trọng đang được đặt ra với thực trạng hiện nay của nước ta.

Nền kinh tế thị trường có sự ưu việt hơn nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung vì tự nó có thể mang lại những sản phẩm tốt nhất, hiệu quả nhất, chi phí thấp nhất để phân phối đến những người cần nó, và sẵn sàng đưa ra mức giá cao nhất, nhờ tính cạnh tranh đã mang lại sự ưu việt cho nó.

Thực tế, các nền kinh tế thị trường được thực hiện theo nhiều mô hình khác nhau, nhưng chung đều có những đặc trưng cơ bản sau:

+ Thị trường là cơ sở cho việc phân bổ nguồn lực. Các lực lượng cung cầu thị trường quyết định giá cả và đến lượt nó giá cả lại là tín hiệu để phân bổ các nguồn lực kinh tế.

+ Các thực thể kinh tế như các doanh nghiệp, các cá nhân được tự do ra quyết định.

+ Cạnh tranh là nguyên tắc có tính nền tảng trong nền kinh tế thị trường, đảm bảo cho hàng hóa được cung ứng bởi các nhà sản xuất ưu việt nhất và cung ứng cho những người cần nhất.

+ Trong nền kinh tế thị trường, hàng hóa được tự do lưu thông trên thị trường.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng các công cụ pháp luật và chính sách.

Tuy nhiên, đối với nền kinh tế thị trường ở Việt Nam có phần khác so với các nền kinh tế thị trường trên thế giới đó là nó mang định hướng xã hội chủ nghĩa mục đích nhằm phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất nhằm phù hợp trên cả ba mặt: sở hữu, quản lý, và phân phối nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

### *b. Nền kinh tế thị trường hiện đại*

Nền kinh tế thị trường đã lan rộng khắp sang các quốc gia trên thế giới. Nhưng mức độ phát triển của nền kinh tế thị trường ở mỗi nước là khác nhau. Theo đánh giá của các nhà kinh tế thìnền kinh tế của các nước công nghiệp hiện nay ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường hiện đại và tương lai Việt Nam cũng bị ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường hiện đại. Nền kinh tế thị trường gồm những yếu tố cơ bản sau:

- Nền kinh tế thị trường không chỉ tác động đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội mà còn mở rộng sang cả lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học, giáo dục.

- Lĩnh vực kinh tế - chính trị ngày càng đóng vai trò quan trọng và là yếu tố quyết định đến sự phát triển của nhiều quốc gia và hệ thống nền kinh tế thế giới.

- Mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, cùng sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật giúp đẩy mạnh quá trình chuyên môn hóa, các chính sách được điều chỉnh theo hướng mở cửa, tạo sự thuận lợi, dễ dàng cho việc lưu thông, trao đổi hàng hóa, các hàng rào thuế quan và phi thuế quan cũng dần dần được gỡ bỏ.

### **2. Vai trò kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại**

Mặc dù nền kinh tế thị trường được cho là có một bàn tay vô hình của thị trường tự điều tiết nó và phát triển. Tuy nhiên chúng ta không thể phủ nhận vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, vì có Nhà nước sẽ giúp cho thị trường vận hành trơn tru hơn. Theo tác phẩm “Của cải của các dân tộc” của Adam Smith đã nêu ra vai trò của Nhà nước theo 3 chức năng sau:

- Nhà nước mang lại sự hòa bình, cuộc sống được ổn định và chống lại các thế lực thù địch muốn xâm hại đến đất nước.

- Nhà nước là người cầm cân nảy mực, mang lại các quyền lợi có ích cho người dân, tạo ra sự bình đẳng, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo

+ Bằng hình thức sử dụng hệ thống luật pháp Nhà nước sẽ đảm bảo được các quyền lợi cho người dân một cách công bằng và phân minh nhất.

+ Hệ thống pháp luật sẽ là công cụ cho Nhà nước thực hiện những điều chỉnh về các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội, hạn chế những âm mưu đen tối gây ảnh hưởng đến nền kinh tế nước nhà.

- Cung cấp hàng hóa công cộng.

Thông qua những trải nghiệm thực tiễn cho thấy rằng nền kinh tế thị trường thành công không phải là do tự phát mà do có sự can thiệp, hỗ trợ của Nhà nước. Trong đó, bàn tay vô hình của thị trường cũng cần sự bảo vệ của Nhà nước, vì thị trường chỉ vận hành tốt nếu quyền sở hữu không bị xâm phạm.

Một lý do nữa cần đến sự hỗ trợ của Nhà nước đó chính là các nhân tố gây ra sự thất bại thị trường. Thuật ngữ này sẽ được hiểu theo hai nghĩa sau:

- Sự phân bổ các nguồn lực không hiệu quả gây ra thất bại thị trường.
- Việc hạn chế thực hiện các mục tiêu xã hội bên cạnh mục tiêu hiệu quả kinh tế cũng gây ra thất bại thị trường.

### 2.1. Thất bại trong việc phân bổ các nguồn lực không hiệu quả

Nguyên nhân dẫn đến thị trường hoạt động không hiệu quả đó là:

- **Cạnh tranh không hoàn hảo:** Chúng ta có thể hiểu một thị trường cạnh tranh không hoàn hảo là tại đó mà khi người dân có nhu cầu về một sản phẩm (như điện) nhưng họ không có cơ hội để lựa chọn nhà cung cấp khác nhau, vì trên thị trường chỉ có một nhà cung cấp điện độc quyền, và như vậy chúng ta gọi là sự cạnh tranh không hoàn hảo.

Diễn ra tình trạng độc quyền, đồng nghĩa với việc nhà cung cấp tự điều chỉnh giá cả cao lên để thu được nhiều lợi nhuận về cho họ. Ngoài ra họ sẽ không để ý đến vấn đề cải tiến kỹ thuật, tổ chức, hệ thống hóa lại sản xuất, quản lý hạ giá thành hay cải tiến chất lượng sản phẩm... Để hạn chế độc quyền, cần khuyến khích cạnh tranh và trong nền kinh tế thị trường đều thông qua đạo luật chống độc quyền.

- **Hàng hóa công cộng:** hàng hóa công cộng được thể hiện dựa trên hai đặc tính

+ **Không thể loại trừ:** tính chất không thể loại trừ cũng được hiểu trên giác độ tiêu dùng, hàng hóa công cộng một khi đã cung cấp tại một địa phương nhất định thì không thể hoặc rất tốn kém nếu muốn loại trừ những cá nhân không trả tiền cho việc sử dụng hàng hóa của mình. Ví dụ: quốc phòng là một hàng hóa công cộng nhưng quân đội không thể chỉ bảo vệ những người trả tiền và không bảo vệ những ai không trả tiền.

+ **Không cạnh tranh:** tính chất không cạnh tranh được hiểu trên góc độ tiêu dùng, việc một cá nhân này đang sử dụng hàng hóa đó không ngăn cản những người khác đồng thời cũng sử dụng nó. Ví dụ pháo hoa khi bắn lên thì tất cả mọi người đều có thể được hưởng giá trị sử dụng của nó.

- **Ngoại ứng:** Ngoại ứng xuất hiện khi một người tiến hành một hoạt động ảnh hưởng đến lợi ích của người ngoài cuộc, những người chưa được trả hay chưa nhận được tiền bồi thường cho hậu quả đó.

Nếu tác động đó bất lợi, nó được gọi là ngoại ứng tiêu cực; nếu tác động có lợi được gọi là ngoại ứng tích cực. Với sự có mặt của ngoại ứng, sự quan tâm của xã hội đối với đầu ra của thị trường mở rộng cả về phía lợi ích của người mua và bán trên thị trường; nó cũng bao gồm sự ảnh hưởng đến lợi ích của những người ngoài cuộc. Bởi người mua và bán không để ý đến những hậu quả bên ngoài hành động của họ khi



quyết định lượng cung cấp và tiêu dùng, sự cân bằng thị trường là không hiệu quả khi có ngoại ứng. Đó là khiếm khuyết của thị trường trong việc tối đa hóa tổng lợi ích. Chẳng hạn, việc thải chất dioxin vào môi trường là một ngoại ứng tiêu cực. Các công ty sản xuất sẽ không xem xét đến chi phí ô nhiễm gây ra và vì thế sẽ thải ra nhiều chất thải gây ô nhiễm nếu như chính phủ không có biện pháp ngăn chặn.

- Thông tin bất cân xứng: thông tin bất cân xứng xuất hiện khi người mua và người bán có các thông tin khác nhau. Ví dụ: Trên thị trường chứng khoán, hiện tượng bất cân xứng xảy ra khi: doanh nghiệp che giấu các thông tin bất lợi, thổi phồng thông tin có lợi...; doanh nghiệp cung cấp thông tin không công bằng đối với các nhà đầu tư; doanh nghiệp sau khi phát hành cổ phiếu không chú trọng vào đầu tư sản xuất kinh doanh mà chỉ tập trung vào việc “làm giá” trên thị trường chứng khoán; có sự rò rỉ thông tin nội gián; một số nhà đầu tư tạo cung cầu ảo trên thị trường dẫn đến phản ánh sai lệch giá trị của doanh nghiệp; một số kẻ xấu tung tin đồn thất thiệt cho doanh nghiệp; các cơ quan truyền thông cung cấp thông tin sai lệch; các trung gian tài chính cung cấp, xử lý thông tin không chính xác...

Tình trạng bất cân xứng về thông tin sẽ dẫn đến việc các nhà đầu tư đưa ra các quyết định đầu tư không chính xác, gây cung cầu ảo, thị trường bong bóng và tiềm ẩn nguy cơ sụp đổ thị trường.

Chu kỳ kinh doanh được hiểu là sự biến động của các hoạt động kinh tế ngắn hạn trong một thời kỳ nhất định, trong đó các giai đoạn tăng trưởng và các giai đoạn suy giảm luân chuyển lẫn nhau không ngừng.

## 2.2. Các mục tiêu xã hội khác

Như chúng ta đã biết thị trường hoạt động trôi chảy nhờ những cá nhân luôn tìm cách tối đa hóa lợi ích, thế nhưng thị trường sẽ không còn vận hành trôi chảy nữa khi phải gắn thêm nhiều mục tiêu khác như kinh tế, xã hội, phân phối thu nhập một cách công bằng và một số mục tiêu phi kinh tế khác. Dựa trên cơ sở thất bại thị trường, Nhà nước cần thực hiện những chức năng sau:

(1) Tạo những điều kiện cần thiết cho thể chế và pháp lý vào các hoạt động sản xuất, trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong đó gồm có tính pháp luật để bảo vệ các quyền sở hữu và thực hiện hợp đồng.

(2) Tổ chức thực hiện các chính sách tài khóa, tiền tệ, tỷ giá ngoại tệ và thu nhập.

(3) Cung cấp cơ sở hạ tầng vật chất như đường bộ, đường sắt và các dịch vụ giáo dục, y tế.

(4) Kiểm soát hoạt động của các công ty tư nhân.

(5) Nhà nước tham gia trực tiếp vào sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Thông qua chức năng phân tích ở trên chúng ta thấy rằng nền kinh tế toàn cầu có sự phát triển mạnh mẽ, thì Nhà nước vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên cách thức quản lý có khác trước như việc hoạch định, đưa ra các chiến lược, chính sách phù hợp với vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Trong thời đại về sự bùng nổ của công nghệ thông tin, thì Nhà nước vẫn đóng vai trò chính trong việc phát triển nền công nghệ thông tin, nhưng Nhà nước không thể quyết định mọi thứ nhất là những thứ nằm trong tay người khác như thông tin, vốn, công nghệ, thị trường. Để có được những thứ đó nhà nước không thể tự mình hiện đại hóa, không thể không mở cửa nền kinh tế với thế giới bên ngoài, tham gia hội nhập quốc tế và khu vực và mặc dù đóng vai trò quan trọng, Nhà nước cũng không thể dành một mức độ tự do hóa cao cho các lực lượng thị trường ở ngay bên trong đất nước mình và không thể không tăng cường tính dân chủ, minh bạch để đáp ứng những nhu cầu đa dạng của các nhóm lợi ích đa dạng trong xã hội. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước cần thực hiện 3 vai trò chính sau đây:

- Loại trừ tính tập trung, quan liêu bao cấp, thực hiện các chiến lược mang tính dài hạn, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định kinh tế vĩ mô tạo dựng môi trường thể chế và pháp lý nhằm hạn chế cạnh tranh không lành mạnh tạo sự bình đẳng trong mọi sân chơi kinh tế
- Thay đổi các công cụ chính sách phù hợp với quá trình phát triển kinh tế định hướng thị trường
- Sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường cần nằm trong khuôn khổ cho phép theo quy định của WTO

Một thực tế cho thấy, việc quản lý kinh tế của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa không thể được quyết định một cách độc lập, chỉ tính đến các điều kiện bên trong vì nhiều vấn đề kinh tế vĩ mô mang tính toàn cầu, nhanh chóng lan truyền giữa các quốc gia thông qua các kênh thương mại, sản xuất, đầu tư và tài chính. Trong nhiều trường hợp để đảm bảo sự thành công của chính sách, các nước cần phải phối hợp đưa ra một gói giải pháp đồng bộ và hành động thống nhất trong phạm vi toàn cầu.

Việt Nam đang trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình này, Nhà nước cần đóng vai trò to lớn vì ba lý do. Thứ nhất, ngay cả ở các nền kinh tế thị trường đã phát triển, sự can thiệp của Nhà nước là không thể thiếu để khắc phục các thất bại của kinh tế thị trường và hỗ trợ cho các thị trường vận hành tốt. Tuy nhiên, trong trường hợp một nước chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường như Việt Nam, thị trường có thể hoạt động không hiệu quả bởi các rào cản do chính

sách của Nhà nước tạo ra. Khi đó trước hết nhà nước cần loại bỏ những méo mó của thị trường và xây dựng nền tảng thể chế pháp lý cho các thị trường ra đời và vận hành tốt nhất.

## **II. THỂ CHẾ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI**

### **1. Thể chế kinh tế**

Để hiểu được thể chế kinh tế là gì chúng ta cần nắm rõ về thể chế. Có rất nhiều khái niệm thể chế được đưa ra, nhưng để rõ ràng và dễ hiểu thì chúng tôi xin tóm gọn lại định nghĩa về thể chế như sau: Thể chế là những ràng buộc chính thức liên quan đến pháp luật, hiến pháp và những quy định khác..., và những ràng buộc phi chính thức liên quan đến các tập tục, tôn giáo, tập quán địa phương.

Về thể chế kinh tế có nhiều nghĩa hiểu khác nhau, ở đây chúng tôi xin đề cập đến 2 nghĩa dễ hiểu nhất về thể chế kinh tế.

Thể chế kinh tế là hệ thống những quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. Thể chế kinh tế gồm các yếu tố chủ yếu là các đạo luật, luật lệ, quy định, quy tắc... về kinh tế gắn với các chế tài xử lý vi phạm, các tổ chức kinh tế, cơ chế vận hành nền kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là loại hình thể chế kinh tế trong đó có sự thống nhất biện chứng giữa cái chung là kinh tế thị trường với các đặc thù là định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong những cái chung đó có các yếu tố như: sự đa dạng về chủ thể kinh tế và các chủ thể tự do sản xuất kinh doanh, cạnh tranh theo pháp luật, thừa nhận các phạm trù hàng hóa, tiền tệ, thị trường, cạnh tranh, cung cầu, giá cả thị trường, lợi nhuận, sự hoạt động của quy luật kinh tế thị trường, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Về cái đặc thù gồm các yếu tố: tư tưởng kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng công sản, các mục tiêu nguyên tắc và nhiệm vụ cơ bản trong phát triển nền kinh tế gắn với mục tiêu và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Sự kết hợp giữa cái chung và cái đặc thù này tạo thành sự giao thoa, cái chung không nằm ngoài mà nằm trong cái đặc thù, nhưng không bao quát hết cái đặc thù, trong đó kinh tế thị trường là động lực và phương tiện để phát triển kinh tế, định hướng xã hội chủ nghĩa giữ vai trò dẫn dắt quá trình phát triển nền kinh tế. Như vậy, nội dung cốt lõi và thực chất của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: Như vậy, nội dung cốt lõi và thực chất của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là:

- Phát triển nền kinh tế hàng hoá dựa trên sự đa dạng các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế, trong đó sở hữu công hữu xã hội chủ nghĩa giữ vai trò nền tảng, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành

nền tảng của nền kinh tế. Các thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển, cạnh tranh và hợp tác với nhau.

- Hình thành đồng bộ và vận hành thông suốt, có hiệu quả hệ thống các thị trường trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phân phối theo lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính, đồng thời áp dụng các hình thức phân phối khác, coi trọng hiệu quả kinh tế, đồng thời đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội trong phân phối và phân phối lại.

- Có một hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội theo hướng từng bước thực hiện chế độ bảo hiểm cho mọi người lao động, mọi tầng lớp nhân dân, quan tâm hỗ trợ người nghèo, những đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

- Chính phủ điều hành kinh tế vĩ mô trên cơ sở tôn trọng sự tác động khách quan của thị trường và cơ chế thị trường, tạo các điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế hoạt động.

- Có hệ thống pháp luật thích ứng và thúc đẩy sự vận hành có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Như vậy, có thể hiểu một cách chung nhất: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tổng thể đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật, chính sách, hệ thống đảm bảo xã hội, các quy tắc, quy chế mà Đảng, Nhà nước có nghệ thuật ban hành nhằm đảm bảo sự phát triển đất nước theo đúng mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn.

## **2. Thể chế kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại**

Thể chế kinh tế của Nhà nước giúp định hướng, hướng dẫn tạo khuôn khổ cho việc tổ chức hoạt động của nền kinh tế, tác động đến sự lựa chọn và việc quyết định sản xuất cái gì, đầu tư vào lĩnh vực nào, ở đâu... của các chủ thể kinh tế.

Thể chế kinh tế tạo ra nền tảng xã hội của một nền kinh tế như chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của nền kinh tế.

Thể chế kinh tế đóng vai trò chủ thể trong việc quản lý kinh tế và các công cụ quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước với tư cách là một thể chế kinh tế trong quá trình tổ chức, quản lý vĩ mô nền kinh tế, đóng vai trò chủ thể quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Hệ thống pháp luật, các công cụ như kế hoạch hóa, tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường có vai trò quan trọng trong việc tạo ra khung khổ pháp lý tác động đến điều tiết, định hướng nền kinh tế.



Thế chế kinh tế hình thành góp phần đồng bộ hóa hệ thống thị trường, từng bước hoàn thiện và phát triển hệ thống thị trường của nền kinh tế thị trường nước ta

Thế chế kinh tế góp phần tạo ra những tiền đề điều kiện hạn chế những khuyết tật của kinh tế thị trường, kinh tế thị trường bên cạnh mặt tích cực còn tạo ra cơ chế năng động, sáng tạo và hiệu quả còn có nhiều tiêu cực cần được hạn chế như cạnh tranh, chính phủ chạy theo lợi nhuận mà quên đi mục tiêu xã hội, phân hóa giàu nghèo... Thông qua hệ thống pháp luật, các cơ chế chính sách, tác động điều chỉnh để có thể hạn chế được các mặt tiêu cực.

### 2.1 Chủ thể tham gia thị trường

Khi tham gia vào nền kinh tế thị trường thì không thể thiếu vai trò của Nhà nước, vì ngoài bàn tay vô hình của thị trường thì cần phải có Nhà nước để điều tiết một số hoạt động của thị trường để có thể vận hành trơn tru.

Trong nền kinh tế thị trường sẽ có nhiều loại hình Doanh nghiệp khác nhau về quy mô, trình độ công nghệ, năng lực quản lý. Do đó khi xây dựng các thể chế kinh tế của Nhà nước cần phải có sự điều chỉnh hợp lý phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp để có thể vận hành hiệu quả đúng đắn theo quy luật thị trường.

Ngoài hai chủ thể được đề cập ở trên thì chủ thể thứ ba là các tổ chức dân sự cũng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường vì:

- Hỗ trợ cho Nhà nước về việc bổ sung những thiết sót của thể chế kinh tế Nhà nước
- Đóng góp ý kiến, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế, theo dõi, giám sát hoạt động của thể chế kinh tế nhà nước
- Xây dựng các chuẩn mực xã hội, có sức ảnh hưởng mạnh đến các hoạt động thị trường.

**TTBD ĐBDC**

### 2.2 Cơ chế thực thi “luật chơi kinh tế” trong nền kinh tế thị trường hiện đại

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại cần phải thực hiện nhiều cơ chế, chính sách giúp cho nền kinh tế hoạt động hiệu quả. Sau đây là một số cơ chế được thực thi trong nền kinh tế thị trường

- Cơ chế cạnh tranh: Ngày nay cạnh tranh là một điều kiện, yếu tố kích thích việc kinh doanh, là động lực, môi trường thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động, tạo sự phát triển trong xã hội nói chung. Sự cạnh tranh sẽ tự loại bỏ những doanh nghiệp làm ăn yếu kém, còn những doanh nghiệp làm ăn hiệu quả sẽ đứng vững trên thị trường. Tuy nhiên ngoại mặt tích cực của cạnh tranh, thì còn xuất hiện mặt tiêu cực về sự cạnh tranh không lành mạnh, gây ra hậu quả xấu cho xã hội như gây tổn thất

lãng phí cho xã hội, ô nhiễm môi trường... Vì vậy Nhà nước cần phải có những giải pháp để hạn chế mặt tiêu cực của sự cạnh tranh.

- Cơ chế phân cấp: Cơ chế phân cấp được hiểu theo hai nghĩa sau

+ phân cấp theo chức năng chuyển giao từ khu vực công sang khu vực tư nhân theo cơ chế tư nhân hóa

+ Cấu trúc lại thẩm quyền về quản lý kinh tế giữa các trung ương đến địa phương

- Cơ chế phối hợp: Trong nền kinh tế thị trường thị mục tiêu lớn nhất người ta muốn hướng đến đó là lợi nhuận và sự công bằng xã hội, chính vì thế để đạt được hiệu quả trong cơ chế kinh tế thị trường thì người ta cần phải phối hợp nhiều cơ chế để đạt được hiệu quả cao, dung hòa và hạn chế được các mặt tiêu cực trong cơ chế thị trường có sự cạnh tranh cao.

- Cơ chế tham gia: mang lại cho người dân có quyền dân chủ, được tự do nói ra những mong muốn nguyện vọng của mình nhằm mang lại lợi ích cho số đông người, họ cũng có thể đóng góp những ý kiến, quan điểm cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Cơ chế theo dõi và đánh giá: cơ chế theo dõi nhằm mục đích quản lý các chủ thể tham gia thị trường, có được thông tin kịp thời, đáng tin cậy từ đó có thể phân bổ nguồn lực và sử dụng nguồn lực một cách hợp lý nhất. Đánh giá giúp nhận định mọi vấn đề một cách khách quan và xác thực nhất trong các mục tiêu phát triển kinh tế.

### **III. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

#### **1. Kinh nghiệm của một số quốc gia**

##### *1.1 Kinh nghiệm của một số quốc gia có nền kinh tế thị trường hiện đại*

##### *1.1.1 Xây dựng luật pháp và chính sách*

Nhằm giúp cho nền kinh tế thị trường được vận hành hiệu quả, ngoài bàn tay vô hình của thị trường thì không thể thiếu bàn tay hữu hình của Nhà nước tham gia vào quá trình điều tiết vận hành thị trường. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các cơ chế, chính sách để thực hiện quá trình vận hành một cách hiệu quả. Ngoài ra hệ thống pháp luật nhằm ngăn chặn các hành vi có tác động nguy hại đến thị trường, như hành vi cạnh tranh không lành mạnh, độc quyền.

Nhà nước tạo ra các chính sách và pháp luật nhằm phân bổ nguồn lực, điều tiết thị trường, tạo điều kiện cho bàn tay vô hình của thị trường phát huy tối đa hiệu quả của nó.

Trong cơ chế thị trường thì vấn đề cạnh tranh là không tránh khỏi, cạnh tranh có hai loại là tích cực và tiêu cực, chính vì mặt cạnh tranh tiêu cực gây ảnh hưởng có hại đến nền kinh tế, nên Nhà nước cần có hệ thống pháp luật cạnh tranh để có thể điều chỉnh, kiểm soát được các vấn đề xảy ra trong thị trường.

### ***1.1.2 Cơ chế vận hành thể chế kinh tế của Nhà nước: tạo lập môi trường kinh doanh tin cậy***

Trong nền kinh tế thị trường ngoài bàn tay vô hình của thị trường, thì Nhà nước đóng một vai trò quan trọng trong việc điều tiết thị trường thông qua các cơ chế, chính sách và thể chế kinh tế của Nhà nước để cải thiện sự phát triển kinh tế được hiệu quả hơn:

- Bảo đảm môi trường kinh tế vĩ mô và vi mô tạo sự kích thích cho các hoạt động kinh tế có hiệu quả cao
- Bảo đảm các quyền sở hữu, hòa bình, quy tắc, khuyến khích đầu tư có hiệu quả lâu dài
- Bảo đảm phổ cập giáo dục, y tế, kết cấu hạ tầng vật chất cần thiết cho các hoạt động kinh tế, bảo vệ môi trường tự nhiên

### ***1.1.3 Tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia thị trường, cơ chế bảo vệ cạnh tranh và kiểm soát độc quyền***

Cạnh tranh là sức mạnh mà hầu hết các nền kinh tế thị trường tự do dựa vào để đảm bảo rằng các doanh nghiệp thoả mãn được các nhu cầu và mong muốn của người tiêu dùng. Khi có cạnh tranh, không một chính phủ nào cần phải quy định các doanh nghiệp sản xuất mặt hàng gì với số lượng, chất lượng và giá cả thế nào. Cạnh tranh trực tiếp quy định những vấn đề đó với các doanh nghiệp.

Các cơ quan thi hành luật pháp đã tính đến sự phát triển này theo hai hướng chủ yếu. Thứ nhất, khi xét xem một vụ sát nhập có làm tổn hại đáng kể tới cạnh tranh hay không, hoặc một doanh nghiệp có thực sự chiếm vị trí thống trị hay độc quyền hay không, các cơ quan thi hành luật pháp xét đến tất cả những lựa chọn mà người mua có thể có, cho dù những lựa chọn đó là do các nhà sản xuất trong nước hay do nhập khẩu đưa ra. Giống như các khía cạnh khác của những cuộc điều tra về luật cạnh tranh, điều này đòi hỏi phải điều tra kỹ các dữ kiện thực tế của một thị trường. Ví dụ, khi các nhà nhập khẩu bán được một lượng hàng hoá vào một thị trường thì không có gì đảm bảo rằng họ có thể mở rộng được khối lượng bán ra để duy trì cạnh tranh nếu không có các hàng rào phi thuế quan đối với việc mở rộng đó. Một hành động có vẻ như có hại đối với cạnh tranh trên một thị trường nội địa có thể lại hoàn toàn vô hại nếu xét về cạnh tranh quốc tế.

Thứ hai, việc các thị trường đã trở thành thị trường quốc tế có nghĩa là một số hành động trước kia không ảnh hưởng gì tới cạnh tranh nay bỗng nhiên lại có thể trở thành mối quan ngại về thực thi pháp luật. Việc sát nhập giữa một công ty nước ngoài với một công ty trong nước có thể kiểm chế sự cạnh tranh hiện đang diễn ra hoặc sẽ diễn ra trong tương lai theo những cách thức mà một thể hệ trước đây là không phù hợp. Những thị trường mà một thể hệ trước có thể đã do các công ty trong nước liên kết lại để cùng kiểm soát thì nay có thể lại do các công ty trong nước lẫn các công ty nước ngoài cùng liên kết kiểm soát. Những cơ quan thi hành pháp luật thiếu hiểu biết đầy đủ về các hoạt động của các hãng nước ngoài hoặc thiếu quyền hạn pháp lý để xử lý các hành động đó có thể sẽ không bảo vệ được nền kinh tế của mình khỏi mỗi hại lớn do cạnh tranh gây ra.

Các nước đang phát triển cần có luật cạnh tranh là vì:

Hầu hết các nước đang phát triển - đặc biệt, nhưng không chỉ riêng những nước sau thời kỳ xã hội chủ nghĩa - có nền kinh tế đầy những doanh nghiệp lớn chiếm lĩnh các ngành công nghiệp đặc biệt, thường là do chính sách của chính phủ và do thói quen của quá khứ. Khi những doanh nghiệp đó được tư nhân hoá, họ sẽ không thích có sự cạnh tranh nào nổi lên đối với sản phẩm của mình và sẽ hành động để ngăn chặn nhập khẩu hoặc phân phối các sản phẩm cạnh tranh. Các nhà chức trách thi hành luật pháp sẽ là người ngăn chặn những hành động như thế để đảm bảo rằng việc mở cửa biên giới để buôn bán sẽ mang lại sự cạnh tranh thực sự hiệu quả trên thị trường trong nước.

Khi tự do hoá kinh tế bao gồm việc phi độc quyền hoá các doanh nghiệp lớn, có thể có xu hướng là các nhà quản lý của những bộ phận tách ra từ doanh nghiệp cũ sẽ hợp tác hơn là cạnh tranh với nhau trên thị trường. Hợp tác này có thể diễn ra dưới hình thức những thoả thuận cácten. Những thoả thuận như vậy có thể được hỗ trợ bởi việc hình thành các hiệp hội mà thành viên là những bộ phận mới của chính doanh nghiệp cũ trước kia. Với những hành vi lạm dụng của các doanh nghiệp thống trị, nếu kết quả của tự do hoá là việc liên kết để thống lĩnh thị trường chứ không phải là cạnh tranh thì bao nhiêu lợi ích của tự do hoá sẽ không thể đến được với người dân thường. Các quan chức phụ trách vấn đề cạnh tranh ở một số nước đang phát triển - trong đó có Hungary, Peru, và Balan - đã đối mặt với nhiệm vụ bảo vệ người tiêu dùng bằng cách phá bỏ những cácten mới thành lập đó.

Rất nhiều người dân ở những nước đang phát triển có thể phải đối mặt với những bất ổn về kinh tế do tự do hoá gây ra. Có lẽ cách tốt nhất để giải quyết mối lo ngại đó là tạo ra một "mạng lưới an toàn xã hội" hiệu quả - đào tạo việc làm, chăm sóc y tế do nhà nước tài trợ, trợ cấp thất nghiệp,... - để những người mất việc làm có thể dễ tìm được việc mới hơn và trong khi chưa tìm được việc thì cũng không phải quá cơ hàn.



Nhưng cách giải quyết thứ hai là ban hành, củng cố và phổ biến luật cạnh tranh, để người dân hiểu rằng chủ nghĩa tư bản không có nghĩa là bỏ hết mọi quy định và bảo hộ đối với những doanh nghiệp nhỏ trên thị trường. Có lẽ sẽ không quá nếu nói rằng, ở một số nước việc ban hành luật cạnh tranh là một tiền đề cho việc ban hành những điều luật tự do hoá khác.

## 1.2 Kinh nghiệm của một số quốc gia đang chuyển đổi

Các nước chuyển đổi từ chế độ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường tiêu biểu là Trung quốc, Liên bang Nga, Việt Nam, đang trong quá trình chuyển đổi. Chúng ta cùng xem qua những cách thức họ thực hiện trong quá trình chuyển đổi của hai quốc gia này:

### 1.2.1 Trung Quốc

Nền kinh tế Trung Quốc đã dần chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá cứng nhắc trước đây sang một thể chế kinh tế thị trường có điều tiết. Thực lực kinh tế nhà nước vẫn được tăng cường, bản chất và định hướng XHCN được giữ vững.

Trung Quốc hết sức chú trọng thiết lập mối quan hệ "thứ bậc" giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị.

Các nhà cải cách ở Trung Quốc quan tâm điều chỉnh khéo léo mối quan hệ mang tính quy luật giữa kinh tế kế hoạch với kinh tế thị trường. Trong quá trình cải cách, Trung Quốc đã dần loại bỏ lối tư duy cứng nhắc, bảo thủ hoặc do dự thiếu nhất quán khi tiếp cận khái niệm "kinh tế thị trường". Quan điểm coi chế độ kinh tế kế hoạch là tiêu chí quan trọng của kinh tế XHCN được điều chỉnh phù hợp. Dấu mốc quan trọng nhất là đến năm 1992 Trung Quốc khẳng định được phải xây dựng "thể chế kinh tế thị trường XHCN". Thị trường đóng vai trò quan trọng trong việc phân bổ tiền vốn, lao động, kỹ thuật và tài nguyên; tự giải quyết mọi vấn đề liên quan đến "đầu ra" của sản xuất dưới sự điều tiết vĩ mô của nhà nước. Thể chế kinh tế thị trường gắn với kế hoạch được hình thành. Điều này làm cho nền kinh tế của Trung Quốc đạt thành công hơn cả so với cải cách của những nước khác cũng trải qua chuyển đổi.

Từ trên xuống đều thống nhất quan điểm "mềm hoá" mối quan hệ giữa phát triển thị trường với điều chỉnh kết cấu chế độ sở hữu. Lịch sử 20 năm cải cách của Trung Quốc đã chứng minh cơ chế kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu cho đến nay vẫn đặt ra nhiều vấn đề phải nghiên cứu giải quyết để điều chỉnh kết cấu chế độ sở hữu, phát triển các loại hình kinh tế phi quốc hữu, làm cho công cuộc cải cách về hai mặt thị trường của xí nghiệp quốc hữu có thể kết hợp nhanh chóng với nhau. Việc điều chỉnh kết cấu chế độ sở hữu của Trung Quốc không đi theo con đường "tư nhân hoá" như từng diễn ra ở Nga và Đông Âu. Thành phần phi quốc hữu trong nền kinh tế, bao gồm cá thể, tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, mặc dù đã phát triển khá nhanh,

song tỷ trọng của chế độ công hữu trong toàn bộ nền kinh tế vẫn chiếm hơn 70%. Bởi lẽ Trung Quốc đã phát triển mạnh kinh tế tập thể, không chỉ trong nông nghiệp mà cả ở các ngành kinh tế khác (công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ). Điển hình như các xí nghiệp hương trấn ở các tụ điểm giao lưu kinh tế giữa thành thị và nông thôn, ngay khi mới ra đời đã vận hành đúng theo cơ chế thị trường, vừa không có sự can thiệp hành chính của chính quyền, những "tư nhân" cũng khó mà thao túng, bởi đã có cơ chế xí nghiệp tự quản, tự doanh, tự chịu lỗ lãi. Mô hình này giải quyết có hiệu quả vấn đề việc làm cho hàng trăm triệu lao động dư thừa ở nông thôn.

Các nhà cải cách Trung Quốc khéo léo kết hợp cả 2 loại hình mẫu cải cách "gấp" và cải cách "tuần tự". Thực tế lịch sử đã chỉ ra không phải bất cứ ở đâu và lúc nào câu phương ngôn "đục tóc, bắt đật" cũng đúng. Sức thuyết phục của hình mẫu chuyển đổi nhanh, cải cách gấp, bất kể sử dụng các "liệu pháp mạnh" từng diễn ra trong thực tế bắt nguồn từ kinh nghiệm quá độ thành công từ nền kinh tế điều hành thống nhất (còn gọi nền kinh tế chỉ huy) chuyển sang nền kinh tế thị trường của Tây Đức và Nhật Bản sau thế chiến thứ hai. Sở dĩ phải lựa chọn giữa hình mẫu "cải cách gấp" hay áp dụng những "liệu pháp ôn hoà" là do khác biệt cơ bản về kế cấu chế độ sở hữu và nền móng kinh tế trước đây giữa các nước XHCN với Tây Đức và Nhật Bản. Đức rút bài học kinh nghiệm nhiều năm cải cách kinh tế ở một số nước XHCN theo cách thứ nhất không mấy thành công, Trung Quốc đã sáng tạo ra hình mẫu "cải cách tuần tự" riêng có hệ thống chính trị không thay đổi, tập trung hoá một số những cơ sở kinh tế, tự do hoá bộ phận giá cả, thị trường tài chính và kinh tế đối ngoại... và hết sức tránh các "liệu pháp sốc".

Các nhà lãnh đạo và quản lý nói chung thực sự cầu thị và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm nước ngoài vào hoàn cảnh thực tiễn Trung Quốc. Cuộc cải cách kinh tế của Trung Quốc lúc đầu chưa có nhiều kinh nghiệm, những điều kiện tiền đề cho cải cách đều thua xa so với Nga và các nước Đông Âu trong cùng bối cảnh. Trung Quốc đã nhấn mạnh việc tích cực học tập kinh nghiệm của nước ngoài, mạnh dạn tiếp thu thành quả văn minh của nhân loại bao gồm tất cả những phương thức kinh doanh tiên tiến và phương thức quản lý sản xuất hiện đại. Thành tựu và kinh nghiệm đạt được trong cuộc cải cách kinh tế mang tính thử nghiệm của một số nước XHCN trước đây như Nam Tư, Hungari, Ba Lan... đều được "mổ xẻ" tìm tòi. Một số kinh nghiệm thành công của những nước và khu vực phát triển hoặc tương đối phát triển, trải qua thời gian dài đã hình thành lên những mô thức đặc thù về thể chế quản lý và cơ chế vận hành kinh tế, như: Anh, Mỹ, Tây Đức, Bắc Âu, Nhật Bản và Đông Âu... kể cả những nước từng quá độ lên kinh tế thị trường từ nền kinh tế chỉ huy trước thế chiến thứ hai, đều được tập trung nghiên cứu. Nhờ tiếp thu kinh nghiệm bên ngoài có chọn lọc và biết sáng tạo, tùy thuộc điều kiện hoàn cảnh cụ thể, Trung Quốc tránh được tình trạng dập khuôn máy móc và xây dựng nền thể chế kinh tế XHCN mang màu sắc Trung Quốc.

Cải cách chuyển đổi của Trung Quốc không để sức ép "bao cấp, bảo hộ" của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn và các DNNN tạo thêm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, mà tìm cách "đẩy" nó ra ngoài bằng con đường phi công hữu hoá. Nhà nước đã giải phóng giá nông phẩm và tự do hoá giá cả của khu vực phi nhà nước, nhưng vẫn tiếp tục kiểm soát một bộ phận giá cả của khu vực nhà nước. Mức độ bảo hộ mật dịch dần được giảm bớt nhờ sự lớn mạnh không ngừng và sức cạnh tranh gia tăng của sản xuất nội địa nhằm đáp ứng những yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Ngay chính việc "mở cửa" ra bên ngoài cũng được thực hiện tuần tự, trước hết qua trung gian, giới hạn hoạt động ở các đặc khu kinh tế, sau đó mở rộng ra các vùng khác. Đặc biệt là nhanh chóng khắc phục sự yếu kém của hệ thống tài chính - ngân hàng, Trung Quốc kết hợp gấp rút tăng khả năng tự chủ tài chính của khu vực phi nhà nước. Ưu thế nổi bật của Trung Quốc là tích lũy, tiết kiệm nội bộ đạt mức cao, tiền gửi ngân hàng của dân chúng đã hỗ trợ mạnh mẽ sự thiếu hụt tài chính của các doanh nghiệp. Sự thâm hụt các nguồn tài chính do hệ thống thuế khóa chưa hiệu quả được bù lại bằng mức độ tiết kiệm đặc biệt cao nên không gây ra lạm phát trầm trọng trong khoảng thời gian dài của quá trình cải cách.

### 1.2.2 Liên bang Nga

Sự chuyển đổi của nền kinh tế của Liên bang Nga sang một nền kinh tế thị trường sẽ luôn gặp phải những khó khăn to lớn bất kể sự lựa chọn chính sách

Quá trình chuyển đổi kinh tế ở Nga được thể hiện cụ thể qua các giai đoạn sau:

- Giai đoạn thứ nhất (1992-1994)- Tự do hoá: Những thành công và thất bại đầu tiên

Kế hoạch chi tiết của chương trình chuyển đổi được soạn thảo năm 1991- 1992, nhằm cải tổ cơ bản nền kinh tế quốc gia với mục tiêu chính là tự do hoá kinh tế (trước hết là giá cả, nội thương và ngoại thương), ổn định kinh tế vĩ mô, tư nhân hoá với tính chất là thành phần quan trọng sống còn trong chuyển đổi thể chế trong quá trình hình thành hệ thống thị trường. Theo các tác giả, thực trạng kinh tế và chính trị khi đó buộc phải tập trung vào yếu tố tài chính và tiền tệ nếu ổn định và cải tổ.

Nga bắt đầu các cải tổ thị trường tự do vào tháng 1/1992 với việc tự do hoá giá cả và cho phép các doanh nghiệp tự hạch toán kinh doanh, được đưa ra các quyết định độc lập trên cơ sở thị trường trong nước và nước ngoài. Giá cả thị trường cũng được đưa vào nhiều hình thức và mức độ cạnh tranh theo cách thức của doanh nghiệp. Các chính sách tiền tệ khan hiếm hơn được Ngân hàng Trung ương Nga áp dụng đầu năm 1992 đã kiềm chế việc tăng giá tiêu dùng hàng tháng từ 245% hồi tháng 2 xuống 12% vào tháng 5.

Tuy nhiên, đến giữa năm 1992 Chính phủ và Tổng thống Nga đã phải chịu áp lực rất lớn khi hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vì có nhiều "khó khăn khách quan trong thời kỳ chuyển dịch". Chi ngân sách lớn, nhưng tổng thu ngân sách lại giảm khiến công khó của Nga lâm vào khó khăn trầm trọng. Từ tháng 2 – 8/1992 mức thâm hụt ngân sách liên bang khoảng 11% GDP, trong khi Ngân hàng Trung ương Nga cho phép mức tăng tín dụng hàng tháng là 50%. Nỗ lực đầu tiên nhằm ổn định tài chính của Nga thất bại. Các tác giả khẳng định, điều đó phản ánh sự điều tiết các mối quan hệ thể chế chưa phù hợp giữa lập pháp, hành pháp và pháp luật, thiếu sự độc lập của ngân hàng trung ương (Ngân hàng Trung ương Nga phải phụ thuộc Nghị viện), gây phản tác dụng đối với cải tổ, thiếu nhất quán trong các chính sách tài chính và kinh tế vĩ mô.

Do đó, giai đoạn 1993-1994 có thể coi là "những năm thất bại" về ổn định tài chính. Thâm hụt ngân sách lên đến 10% GDP năm 1993, 12% - 1994. Tỷ lệ lạm phát giá tiêu dùng hàng năm lên tới 3 con số 840% năm 1993 và 215% - 1994.

Tuy còn nhiều thiếu sót, nhưng giai đoạn tư nhân hoá đầu tiên đã đạt được những tiến bộ đáng kể: khoảng 2/3 GDP thu được từ khu vực phi quốc doanh (các công ty và doanh nghiệp tư nhân), chính phủ thoát khỏi việc "bảo hộ" cho các công ty tư nhân. Đó cũng chính là nền tảng cho những giai đoạn tư nhân hoá tiếp theo.

Giai đoạn 1995-1996 - Ổn định tài chính chương trình ổn định tài chính thứ ba của chính phủ giai đoạn 1995-1996 thành công hơn so với chương trình trước. Đó là việc phản đối in tiền để bù vào những khoản thiếu hụt ngân sách, các cấp có thẩm quyền phải kiểm soát chặt chẽ hơn đối với tăng trưởng thực sự trong nước, và tiến tới thanh toán nợ do thiếu hụt ngân sách liên bang. Đến 1996, mức lạm phát giá tiêu dùng hàng năm đã giảm 22%.

Mặc dù có những thay đổi như: đồng Rúp bắt đầu được sử dụng trong các giao dịch ngân hàng vào tháng 3/1995; hành lang tỉ giá hối đoái được thành lập tháng 6/1995; hệ thống thương mại Nga bắt đầu hoạt động tháng 9/1995, nhưng cơ cấu tổ chức chính sách kinh tế vẫn không thể bảo đảm cân bằng tài chính. Các cuộc bán đấu giá "nợ - vì - cổ phần" đã trở thành một thành phần then chốt trong chương trình tư nhân hoá năm 1995. Tại các cuộc bán đấu giá, các nhà đầu tư (thường là những ngân hàng lớn ở Nga) cho chính phủ nợ để ký quỹ dưới hình thức cổ phần nhà nước trong các công ty lớn của Nga. Nhờ đó chính phủ đã giải quyết được nhiều thách thức về ngân sách trong giai đoạn 1995-1996, nhưng nảy sinh thêm một số nhóm chính trị đầu xỏ trong công nghiệp và tài chính.

- Giai đoạn 1997-1998 - Khủng hoảng tài chính và ngân sách

- Các nhà kinh tế nhận xét ổn định tài chính năm 1995-1996 không có sự điều chỉnh tài chính căn bản, do đó thâm hụt ngân sách liên bang luôn ở mức 5,5% - 8%



GDP từ 1995-1997. Tình hình càng trở nên trầm trọng do thiếu quyết tâm chính trị và tác động của các cuộc bầu cử tổng thống năm 1996. Tuy nhiên, các tác giả khẳng định, sự cố gắng của chính phủ, GDP có sự tăng trưởng nhất định, ổn định chính trị, lạm phát thấp, và các dấu hiệu ổn định trong hoạt động thực tế đã tăng tính hấp dẫn của Nga trong con mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Đến tháng 11/1996, do tác động của khủng hoảng tài chính châu Á, Nga gặp khó khăn hơn trong việc thu hút những nguồn lực mới và đến đầu năm 1998, tình hình tài chính và kinh tế nói chung càng trầm trọng hơn bởi hai yếu tố giá dầu thế giới giảm, ảnh hưởng đến doanh thu của các nhà sản xuất dầu của Nga, đồng Rub sạt giá, các nhà sản xuất trong nước không cạnh tranh được với hàng nhập khẩu chất lượng cao của nước ngoài. Chính vì vậy sản lượng công nghiệp vừa mới phục hồi năm 1997 lại lụi tàn vào 1998.

- Trong tình hình đó, Ngân hàng trung ương và chính phủ Nga lại đưa ra hai quyết định sai lầm khiến nguồn vốn bị chảy ra nước ngoài, các nhà đầu tư ngoại quốc mất lòng tin vào thị trường Nga, dẫn đến hoạt động ngân hàng bị khủng hoảng một cách có hệ thống. Từ tháng 9 – 10/1998, 20 ngân hàng lớn nhất của Nga mất khả năng thanh toán bằng tiền mặt và bị phá sản.

- Giai đoạn từ 1999 - Phát triển và tăng trưởng thời kỳ hậu khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng tài chính 1998 ảnh hưởng nghiêm trọng đến chính trị và kinh tế ở nước Nga. Chính vì vậy, đầu 1999, chính phủ bắt đầu điều chỉnh chính sách tiền tệ và tài chính hậu khủng hoảng. Kết quả là từ tháng 3/1999 mức lạm phát hàng tháng giảm 3%, thâm hụt ngân sách liên bang giảm 3.4% GDP. Năm 1999, lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu các cải tổ thị trường, ngân sách liên bang thực sự được cân bằng, đến 2000 - 2003 hàng năm đã có thặng dư, giảm nợ nước ngoài. Năm 1999, chính phủ bắt đầu cuộc cải tổ chế độ tài chính liên bang để phân định rõ mối quan hệ tài chính ở các cấp chính quyền và sự hỗ trợ của liên bang đối với các khu vực.

Tình trạng đồng Rub bị sạt giá năm 1998-1999 đã thúc đẩy sản xuất trong nước để thay thế cho hàng nhập khẩu. Năm 1999, GDP tăng 6.4%, sản lượng công nghiệp tăng 11%, và đầu tư cố định tăng 4%. Thực tế mức tăng trưởng năm 1999 chủ yếu là do sản xuất thay thế nhập khẩu, vì giá dầu và những yếu tố bên ngoài khác vẫn chưa được thuận lợi.

Năm 2000 đã mở ra một giai đoạn mới trong phát triển kinh tế và chính trị ở Nga. Đó là nhờ có nguyên nhân chính trị và các yếu tố kinh tế thuần túy Tổng thống Vladimir Putin lên nắm quyền, nhóm kinh tế tự do quay lại với chính phủ, đi đôi với việc giá dầu thế giới cao hơn và xuất khẩu tăng mạnh, đã tạo điều kiện để GDP tăng 10% năm 2000 trước khi giảm xuống 5-6% năm 2001-2003. Trong thời gian này, đầu tư cố định tăng đột biến, chỉ riêng trong năm 2000-2001 tăng 28%. Đến 2003 kinh tế Nga trải qua giai đoạn tăng trưởng phục hồi mới dựa trên cơ sở yêu cầu trong nước

ngày một gia tăng. Điều này được thể hiện ở mức tăng GDP và đầu tư cố định năm 2003 so với năm 2001-2002. Song bên cạnh đó, Nga phải giải quyết những vấn đề rất cấp thiết như, khắc phục tình trạng độc quyền, cải cách chế độ lương hưu, hoàn tất việc cải cách chính sách thuế và hợp lý hoá các khoản chi từ ngân sách,...

Tiếp theo, các tác giả đã đưa ra một số đặc điểm nổi bật của quá trình chuyển đổi kinh tế ở Nga, trong đó khẳng định, tình trạng suy thoái thời kỳ chuyển đổi ở Nga kéo dài hơn so với Đông Âu và các nước CIS do có những nhân tố khách quan (như vai trò của Nga trong khối kinh tế các nước thuộc Liên Xô cũ, quy mô công nghiệp quân sự lớn và tầm cỡ đất nước) và những sai lầm mắc phải khi thực hiện cải tổ ở Nga (không nhất quán theo đuổi cải tổ thị trường, tình trạng bất ổn kéo dài, sứ mệnh của việc cải tổ thị trường không rõ ràng, quyết tâm chính trị chưa đủ mạnh để đối phó với những thách thức về chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách tài chính, và các cuộc xung đột quân sự trong nước như ở Chechnya).

Về những nhân tố chủ quan trong nước được nhận định: đợt chỉnh đốn lớn trong lĩnh vực tài chính sau khủng hoảng tài chính tháng 8/1998 đóng vai trò then chốt trong việc chuyển từ suy thoái sang phục hồi kinh tế, từ thâm hụt ngân sách lớn sang thặng dư, tạo điều kiện ổn định hệ thống tài chính, giảm lạm phát, củng cố quy tắc hoạt động tài chính trong khu vực tư nhân, kiểm soát chặt chẽ tài chính doanh nghiệp và giảm nợ tồn đọng. Đi đôi với những thay đổi về chính sách thuế và cải tổ cơ cấu từ năm 1998, đợt chỉnh đốn này đã nâng mức đầu tư lên đáng kể. Tuy nhiên, tốc độ cải tổ thể chế chậm, pháp luật kém hiệu lực, cơ chế thi hành luật không phù hợp, những rủi ro trước năm 1998 còn tồn tại ở mức cao đã cản trở sự xuất hiện các chế độ sở hữu tư nhân ổn định trong cả khu vực tư nhân và nhà nước. Sự phục hồi kinh tế Nga bắt đầu giữa năm 1999 cho thấy những công ty lớn nhất không còn tin tưởng vào các thể chế nhà nước trong việc nâng cao chi phí đầu tư và đưa ra được các kế hoạch phát triển lâu dài. Mặt khác, sự bảo vệ lỏng lẻo đối với quyền lợi của các cổ đông và người cho vay, việc thực hiện hợp đồng không nghiêm túc tiếp tục kiềm chế sự phát triển của các thị trường tài chính với tính chất là những cơ chế đầu tư tài chính. Điều này biểu thị rõ trong sự kém phát triển của các thị trường vốn và mức độ rủi ro tín dụng cao ở Nga.

Các chỉ số cơ bản về kinh tế vĩ mô và tài chính của Nga trong giai đoạn 2000 - 2003 cho thấy, tương tự mô hình ở Đông Âu, Nga phải đối mặt với tình trạng "không thể chọn cả ba", đó là giảm lạm phát, tránh tăng nhanh tỉ giá hối đoái, và duy trì các chính sách tài chính, tiền tệ có lợi cho tăng trưởng kinh tế. Nhưng trái với các nước Đông Âu, Ngân hàng trung ương Nga hoạt động với một hệ thống tài chính kém phát triển, do đó không dễ dàng thực hiện được các biện pháp cho vay sinh lợi bình thường của một ngân hàng trung ương.

Các nhà kinh tế nhân mạnh, kinh nghiệm chuyển dịch của Nga cho thấy những cải tổ về thể chế chủ yếu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh chính là yếu tố cơ bản tạo điều kiện chuyển từ suy thoái sang phục hồi kinh tế. Trong giai đoạn hiện nay, theo các tác giả, Nga sẽ chú trọng đến việc cải cách hành chính và pháp luật, lấy lại niềm tin của các doanh nghiệp và cổ đông vào hệ thống ngân hàng, phát triển cho vay thế chấp. Các cải tổ đang áp dụng đối với hệ thống thuế và hoạt động ngân hàng chủ yếu tập trung khắc phục những kẽ hở về thuế, san bằng sân chơi, khuyến khích hoạt động công khai, rõ ràng trong khu vực nhà nước và tư nhân.

Đề cập đến những thách thức hiện nay Nga đang phải đối mặt, đó là:

- Mức độ ổn định và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nga: nền kinh tế Nga ghi nhận tăng trưởng GDP vững chắc bắt đầu từ năm 2000. Hiện nay vấn đề đặt ra là liệu GDP có thể tăng gấp đôi vào 2010 hay không (như Tổng thống Putin tuyên bố) bởi còn nhiều vấn đề cần phải bàn về mục tiêu đầy tham vọng này, và về sự giả định rằng tốc độ tăng trưởng cao hơn sẽ cho phép Nga đuổi kịp các nước phát triển ở châu Âu.

- Có hay không việc cần phải đưa ra những biện pháp đặc biệt để hợp thức hoá việc sở hữu những khối tài sản tư nhân lớn trước công chúng. Đưa ra dẫn chứng từ các cuộc bầu cử nghị viện tháng 12/2003, các tác giả cho rằng dường như có sự bảo trợ từ các tập đoàn tài chính và công nghiệp lớn trong nước, mặc dù tính hợp pháp của chúng rất đáng ngờ. Sự mập mờ trong quy định không thể xâm phạm quyền sở hữu ở những công ty lớn nhất của Nga đang dần tạo nên một trở ngại rất lớn đối với phát triển kinh tế lâu dài và sự quay trở lại của nguồn vốn xuất khẩu trước đó.

- Chính phủ Nga cần phải đưa ra những chính sách đặc biệt trong giai đoạn tăng trưởng phục hồi để thúc đẩy phát triển những ngành và khu vực "liên kết hàng đầu". Sự mất cân đối hiện nay nghiêng về khu vực khai khoáng cho thấy các phương diện tăng trưởng lâu dài của Nga đòi hỏi phải có những biện pháp đặc biệt hỗ trợ cho khu vực sản xuất. Mặt khác, kinh nghiệm ở Nga và những nước có nền kinh tế đang chuyển dịch cho thấy khi thực hiện các "chính sách công nghiệp" thường dẫn đến sử dụng ngân sách kém hiệu quả, dễ gây nên tệ tham nhũng.

- Về mức độ, tốc độ và quy mô tự do hoá thương mại trong giai đoạn tăng trưởng mục hồi: vấn đề đặt ra là chính phủ phải giữ được tỉ giá hối đoái thực sự "có tính cạnh tranh" để hỗ trợ các nhà sản xuất trong nước, gia nhập vào WTO, duy trì kiểm soát vốn, dù đồng Rub có tính theo tỉ giá đồng USD, đồng EURO, hay những đồng tiền dự trữ khác trên thế giới, và thông qua Nghị định thư Kyoto.

- Sự dung hoà giữa chuyển đổi kinh tế thời hậu cộng sản với những thách thức phát triển thời hậu công nghiệp: bắt đầu từ việc chuyển đổi thị trường, phần lớn các nền kinh tế đang chuyển đổi, kể cả Nga, đều tiến gần đến bước phát triển thời hậu công nghiệp. Tuy đạt được nhiều tiến bộ trong cải tổ thị trường, nhưng các nước vẫn

phải đối mặt với những thách thức đặc trưng của xã hội hậu công nghiệp: yêu cầu phải cải cách hệ thống chăm sóc sức khỏe và lương hưu (có tính đến mức sống khá cao từ thời xã hội chủ nghĩa), cải tổ quân đội, giải quyết vấn đề di cư ngày một gia tăng.

## **2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

### *2.1. Xây dựng và cải cách thể chế thị trường thích ứng với xu hướng phát triển kinh tế mới*

Mục tiêu cơ bản của việc phát triển kinh tế mới là tạo lập một môi trường kinh doanh thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, đảm bảo có thể đáp ứng được nhu cầu cho họ và mang lại chi phí ít nhất.

Thực hiện cải cách về các thủ tục hành chính chuyên sâu theo từng ngành như đất đai, đầu tư xây dựng, thuế, hải quan...

Các hoạt động cải cách thể chế trong giai đoạn này nhằm mục tiêu xây dựng các định chế thị trường, thực hiện các giải pháp chuyển đổi mạnh mẽ nền kinh tế Việt nam sang kinh tế thị trường hiện đại đầy đủ theo các chuẩn mực quốc tế.

Vấn đề cải cách thể chế trong nền kinh tế thị trường là hết sức quan trọng, vì nó đóng góp vào quá trình phát triển lâu dài và ổn định của nền kinh tế. Vì vậy điều chúng ta cần làm là cải cải những vấn đề sau:

- Toàn cầu hóa: dỡ bỏ rào cản thị trường giúp cho việc lưu thông hàng hóa giữa các nước được thuận lợi hơn, làm tăng trưởng tỷ lệ xuất nhập siêu hàng năm. Cùng sự hỗ trợ về hệ thống công nghệ thông tin, và giao thông vận tải giúp cho sự vận hành kinh tế được hiệu quả hơn.

- Kinh tế tri thức: giúp mang lại những hiệu quả rõ rệt, nhờ có sự am hiểu về kiến thức giúp cho quá trình hoạt động sản xuất diễn ra nhanh chóng, kết quả mang lại rất cao, tri thức giúp chúng ta ứng dụng vào các lĩnh vực một cách hiệu quả

### *2.2. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường thông qua tính xác thực và khoa học của thể chế kinh tế Nhà nước*

Trong nền kinh tế thị trường Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thể chế thông qua hệ thống pháp luật nhằm mục đích tạo đòn bẩy cũng như hạn chế những yếu tố nguy hại trong nền kinh tế thị trường. Nhà nước đượ thể hiện qua một số vai trò sau:

- Định hướng cho sự phát triển kinh tế: đó là thống nhất các lợi ích khác nhau, quy tụ các lợi ích khác nhau về cùng một lợi ích để sao cho trong khi mỗi người theo đuổi lợi ích khác nhau về cùng một lợi ích để sao cho mỗi người theo đuổi lợi ích cá nhân của mình cũng đồng thời góp phần vào việc theo đuổi lợi ích dân tộc.

- Tạo môi trường thuận lợi cho nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần phát triển



+ Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự do hóa giá cả, thương mại hóa nền kinh tế

+ Bảo đảm các quyền của người chủ sở hữu về tư liệu sản xuất

+ Đa dạng hóa chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất

+ Xây dựng hệ thống pháp luật của nền kinh tế thị trường

+ Ổn định về chính trị

- Phân phối thu nhập quốc dân một cách công bằng, hiệu quả tạo ra động lực sản xuất

- Can thiệp vào các quá trình kinh tế mỗi khi có biến cố: như việc ảnh hưởng của các cơ chế cung cầu giá cả trong thị trường, làm ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế uốc dân. Trong trường hợp này Nhà nước cần sử dụng những công cụ lãi suất, thuế, quỹ dự trữ quốc gia và chỉ tiêu ngân sách để làm giảm những biến cố đó đưa thị trường đi theo định hướng.

- Quản lý tài sản quốc gia, phân bổ các nguồn lực một cách hợp lý

+ Nhà nước điều khiển sự vận động của nền kinh tế bằng cách hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế xã hội dài hạn và ngắn hạn, quyết định các phương án phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân sao cho bình đẳng, công bằng, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi, hướng dẫn các doanh nghiệp làm ăn, can thiệp vào nền kinh tế mỗi khi có biến động để làm giảm các chấn động trong quá trình đi đến mục tiêu.

+ Nhà nước đóng vai trò người quản lý tài sản quốc gia. Về mặt đối ngoại, Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ nguồn lực, ngăn chặn mọi âm mưu từ bên ngoài đến các vùng đặc quyền đặc lợi của đất nước.

- Nhà nước sử dụng quyền lực kinh tế chính trị của mình để tiếp tục quá trình tự do giá cả, thương mại hóa nền kinh tế với những nội dung cơ bản: xóa bỏ tình trạng độc quyền, xây dựng các đạo luật chống độc quyền bằng cách tạo điều kiện cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, tạo ra các điều kiện, các tiền đề kinh tế, pháp lý cho sự hoạt động của các thị trường cần biết như thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường lao động...

- Nhà nước đảm nhận vai trò thiết lập: duy trì quyền sở hữu các quyền lực kinh tế theo hướng xác định sở chủ sở hữu đích thực của công nhân, của các doanh nghiệp tập thể, tư nhân và nhà nước, cụ thể là giao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân với các quyền cụ thể như thừa kế, thế chấp, cho thuê...

2.3 Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đến thị trường tài chính và thị trường bất động sản là các thị trường chứa đựng nhiều khả năng dẫn đến các cuộc khủng hoảng.

\* Đối với thị trường bất động sản:

Để khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường, không thể thiếu được vai trò của nhà nước, vì vậy đối với bất kỳ lĩnh vực nào trong nền kinh tế đều cần nhờ đến sự quản lý của Nhà nước, một nền kinh tế được điều tiết thông qua tác động của bàn tay vô hình của thị trường và bàn tay hữu hình của Nhà nước nhằm đảm bảo cho nền kinh tế vận hành và phát triển lành mạnh. Đối với nền kinh tế nói chung và thị trường bất động sản nói riêng Nhà nước cần điều khiển, duy trì các hoạt động của thị trường bất động sản và phát triển thông qua các hoạt động đầu tư tạo lập bất động sản tại các dự án, các chương trình trọng điểm quốc gia. Nhà nước phải sử dụng một hệ thống công cụ quản lý vĩ mô để điều khiển, tác động vào thị trường bất động sản như công cụ luật pháp, tài chính, thuế, quy hoạch... nhằm giải quyết hài hòa các mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể tham gia hoạt động trên thị trường bất động sản cũng như giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế bất động sản và đảm bảo công bằng xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế bất động sản với giữ gìn môi trường sinh thái...

Nhà nước đối với thị trường bất động sản được thể hiện qua mặt chủ yếu sau:

- Tạo lập môi trường pháp lý cho thị trường bất động sản
- Thực hiện các công cụ vĩ mô như quy hoạch, tài chính, thuế... thống nhất quản lý bất động sản theo pháp luật.
- Cung cấp dịch vụ công như thẩm giá, tư vấn pháp luật...

Nhà nước tạo hành lang pháp lý cho sự vận hành của thị trường, quản lý, điều hành thị trường và định hướng phát triển thị trường bất động sản phục vụ phát triển kinh tế đảm bảo an sinh xã hội.

\*Thị trường tài chính

- Nhà nước có chức năng quản lý và điều tiết mọi mặt hoạt động của nền kinh tế trong đó thị trường tài chính là một bộ phận quan trọng, đồng thời trong quá trình vận động, bản thân thị trường tài chính cũng đặt ra yêu cầu đòi hỏi phải có sự quản lý và giám sát của nhà nước

- Thông qua bộ máy cơ quan, nhà nước giám sát hoạt động của các thị trường tài chính nhằm duy trì sự ổn định và lành mạnh của chúng. Sự tác động của nhà nước đến quá trình hoạt động của thị trường tài chính có thể bằng các biện pháp trực tiếp hay gián tiếp

- Mỗi loại thị trường tài chính khác nhau, Nhà nước thể hiện vai trò của mình bằng các biện pháp và công cụ khác nhau. Sự tác động của nhà nước đến hoạt động của thị trường tài chính nhằm thúc đẩy, duy trì sự ổn định và lành mạnh.



**TTBD ĐBDC**

